

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA KÌ II MÔN LỊCH SỬ ĐỊA LÍ 9

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

1. Nội dung kiến thức trọng tâm: Bài 10, 12, 13

2. Câu hỏi tham khảo

A. Trắc nghiệm

Bài 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Cuộc nội chiến giữa Đảng Cộng sản và Quốc dân đảng ở Trung Quốc diễn ra trong thời gian nào?

- A. 1945-1947. B. 1948-1950. C. 1946-1949. D. 1951-1953.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là điều kiện khách quan thuận lợi tác động vào cuộc đấu tranh giành độc lập các nước Đông Nam Á giữa tháng 8/1945?

- A. Quân Đồng minh tiến công mạnh mẽ vào các vị trí của quân đội Nhật.
B. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.
C. Quân Đồng minh đánh thắng phát xít Đức.
D. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.

Câu 3. Quốc gia nào ở Đông Nam Á thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, trung lập, nhận viện trợ của các nước không có điều kiện ràng buộc trong giai đoạn 1954 - 1970?

- A. Lào . B. Mianma. C. Miến Điện. D. Campuchia.

Câu 4. Ngày 8 - 8 - 1967, tại Băng - Cốc (Thái Lan) đã diễn ra sự kiện nào?

- A. Tuyên bố thành lập tổ chức ASEAN. B. Vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết.
C. Lễ kết nạp Việt Nam làm thành viên. D. Hiệp ước Ba-li đã được thông qua.

Câu 5. Ba nước nào ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập vào năm 1945?

- A. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Ma-lai-xi-a. C. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.
B. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào. D. Xing-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.

Câu 6: Cuộc chiến đấu chống quân Pháp ở Hà Nội của quân ta trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến là:

- A. Tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Pháp ở Hà Nội.
B. Giam chân địch để có thời gian chuẩn bị kháng chiến lâu dài.
C. Phá hủy nhiều kho tàng của địch.
D. Giải phóng được thủ đô Hà Nội.

Câu 7: Thực dân Pháp mở cuộc tấn công Việt Bắc vào thu - đông năm 1947 nhằm:

- A. Ngăn chặn con đường liên lạc của ta với quốc tế.
B. Tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta.
C. Giải quyết mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán lực lượng.
D. Kết thúc chiến tranh trong danh dự.

Câu 8: Trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), nhân dân Việt Nam đã giành thắng lợi đầu tiên ở đâu?

- A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16.
B. Chiến thắng Việt Bắc.
C. Chiến thắng Biên giới.
D. Cuộc chiến đấu của nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn.

Câu 9: Chiến thắng Việt Bắc năm 1947 của quân dân Việt Nam đã buộc thực dân Pháp phải chuyển từ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh sang:

- A. Phòng ngự. B. Đánh phân tán. C. Đánh tiêu hao. D. Đánh lâu dài.

Câu 10. Nội dung nào sau đây không đúng về đường lối kháng chiến tự lực cánh sinh được Đảng, Chính phủ ta đề ra cuối năm 1946?

- A. Tuyệt giao với các nước khác.
- B. Phải dựa vào sức mình là chính.
- C. Đề phát huy mọi khả năng của nhân dân.
- D. Tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của quốc tế.

Câu 11. Thắng lợi quân sự tiêu biểu nào sau đây đã bước đầu làm phá sản kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp?

- A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16.
- B. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.
- C. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 12. Nội dung nào sau đây **không** phải là mục tiêu của cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 (1946 – 1947)?

- A. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.
- B. Giam chân quân Pháp trong thành phố.
- C. Đánh bại mưu đồ xâm lược Việt Nam của Pháp.
- D. Di chuyển cơ quan đầu não về căn cứ an toàn.

Câu 13. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 thắng lợi có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Làm phá sản bước đầu kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” Pháp.
- B. Bảo vệ vững chắc cơ quan đầu não kháng chiến của Đảng.
- C. Buộc thực dân Pháp phải tuyên bố chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.
- D. Quân đội Việt Nam đã giành được thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ.

Câu 14. Đây là khó khăn lớn nhất mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gặp phải ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Quân đội chưa được củng cố.
- B. Nạn đói và nạn dốt.
- C. Nạn ngoại xâm và nội phản.
- D. Ngân sách nhà nước trống rỗng.

Câu 15. Nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam sau khi cách mạng tháng Tám thành công là gì?

- A. Đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.
- B. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.
- C. Giải quyết tàn dư của chế độ cũ để lại.
- D. Thực hiện đại đoàn kết dân tộc.

Câu 16. Bài học kinh nghiệm từ việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) được Đảng Cộng sản Đông Dương vận dụng như thế nào trong chính sách đối ngoại hiện nay?

- A. Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.
- B. Giải quyết tranh chấp bằng quân sự.
- C. Nhận nhượng mọi yêu sách của đối phương.
- D. Sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế.

Câu 17. Để giải quyết nạn đói mang tính chiến lược lâu dài, biện pháp nào dưới đây là cơ bản nhất?

- A. Phát động ngày đồng tâm.
- B. Kêu gọi sự cứu trợ từ bên ngoài.
- C. Chia lại ruộng công cho dân nghèo.
- D. Tăng gia sản xuất thực hành tiết kiệm.

Câu 18. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng đề ra cuối năm 1946 gồm đầy đủ những nội dung nào sau đây?

- A. Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- B. Toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- C. Toàn dân tham gia vào cuộc kháng chiến chống Pháp.
- D. Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của dư luận quốc tế.

Câu 19. “*Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...*” Câu văn trên được trích trong văn bản nào?

- A. Tuyên ngôn độc lập.
- B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- C. Lời kêu gọi nhân ngày thành lập Đảng.
- D. Chi thị toàn dân kháng chiến.

Câu 20. Trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước khó khăn nào?

- A. Quân Pháp trở lại Đông Dương theo quy định của Hội nghị Potsdam.
- B. Các đảng phái trong nước đều câu kết với quân Trung Hoa Dân quốc.
- C. Nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, giặc ngoại xâm và nội phản.
- D. Khôi đoàn kết dân tộc bị chia rẽ sâu sắc, lực lượng chính trị suy yếu

Câu 21. Quân đội nước nào với danh nghĩa là quân Đồng minh đã kéo vào nước ta sau năm 1945?

- A. Quân Anh, quân Trung Hoa Dân quốc.
- B. Quân Pháp, quân Anh.
- C. Quân Pháp, quân Trung Hoa Dân quốc.
- D. Quân Anh, quân Mỹ.

Câu 22. Âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp bị thất bại hoàn toàn bởi chiến thắng nào của ta?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.
- B. Chiến dịch biên giới thu - đông 1950
- C. Cuộc Tiến công chiến lược đông-xuân 1953-1954
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 23. Phong trào bình dân học vụ trong kháng chiến chống Pháp là gì?

- A. Vận động cải cách giáo dục, xây dựng nền giáo dục dân tộc, dân chủ.
- B. Vận động toàn dân tăng gia sản xuất, tiết kiệm.
- C. Vận động nhân dân tham gia lớp học xóa mù chữ.
- D. Vận động nhân dân tham gia thực hiện nếp sống mới.

Câu 24. Sau năm 1945, phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Á phát triển mạnh mẽ nhất là ở đâu?

- A. Tây Á
- B. Đông Nam Á
- C. Đông Á
- D. Nam Á

Câu 25. Sau khi giành độc lập (năm 1950), Ấn Độ đã thực hiện chính sách đối ngoại như thế nào?

- A. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- B. Tham gia Khối quân sự NATO.
- C. Hòa bình, trung lập, không liên kết.
- D. Đối đầu với các nước láng giềng.

Câu 26. Nội dung trọng tâm của công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978 là gì?

- A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Phát triển kinh tế thị trường.
- C. Phát triển kinh tế, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.
- D. Mở rộng quan hệ ngoại giao.

Câu 27. Đường lối kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) của Việt Nam **không** được thể hiện trong văn kiện nào sau đây?

- A. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. Tờ báo Cờ giải phóng, Sự thật, Cứu quốc, Tiền phong, Lao động.
- C. Bản chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.
- D. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Tổng Bí thư Trường Chinh.

Câu 28. Hành động nào sau đây của thực dân Pháp buộc Đảng và Chính phủ phải phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (19-12-1946)?

- A. Thực dân Pháp bội ước, không tuân thủ nội dung Hiệp định Sơ bộ.
- B. Quân Pháp xả súng vào đoàn người đang mít tinh mừng “Ngày Độc lập”.
- C. Thực dân Pháp bắt tay với quân phiệt Nhật để chia cắt lâu dài Việt Nam.
- D. Pháp gửi tới hậu thư yêu cầu Chính phủ Việt Nam giao cho Pháp giữ trật tự ở Hà Nội.

Bài 2. Câu trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau và chọn đúng hoặc sai trong mỗi ý a,b,c,d.

“... Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa. Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”

(Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 4, 1945 – 1946, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.534)

- A. Việt Nam chủ trương nhân nhượng với thực dân Pháp để kéo dài thời gian hòa hoãn, để chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.
- B. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược là do thái độ ngoan cố và hành động xâm lược trắng trợn của Pháp.
- C. Đoạn tư liệu phản ánh thái độ nhân nhượng có nguyên tắc và thiện chí hòa bình của Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam.
- D. Nhân dân Việt Nam quyết tâm chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau và chọn đúng hoặc sai trong mỗi ý a,b,c,d.

“Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một bản cương lĩnh kháng chiến mang tính khái quát cao, chứa đựng tư tưởng, quan điểm, đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lâu dài, tự lực cánh sinh và nhất định thắng lợi.

Quyết tâm phát động kháng chiến toàn quốc theo quan điểm chiến tranh nhân dân là một quyết định đúng, kịp thời và là điểm xuất phát cơ bản cho mọi thắng lợi về sau của cuộc kháng chiến”.

(“Đại cương lịch sử Việt Nam” - tập III, Lê Mậu Hãn chủ biên, Nxb Giáo dục, tr. 50)

- A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến không chỉ là lời hịch cứu quốc mà còn là một bản cương lĩnh vạch ra đường lối kháng chiến cơ bản của dân tộc.
- B. Nội dung tư liệu khẳng định cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta mang tính chất toàn dân, toàn diện và dựa vào sự giúp đỡ từ bên ngoài là chính.
- C. Theo tư liệu, việc phát động kháng chiến toàn quốc là một quyết định mang tính chủ động, đúng thời điểm và tạo tiền đề cho những thắng lợi sau này.
- D. Đoạn tư liệu nhấn mạnh rằng tư tưởng chiến tranh nhân dân và tự lực cánh sinh là những nhân tố quyết định đến thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

1. Nội dung kiến thức trọng tâm: Bài 10,12

2. Câu hỏi tham khảo

A. Trắc nghiệm

Bài 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Phía Bắc của vùng Bắc Trung Bộ giáp với dãy núi nào sau đây?

- A. Hoàng Sơn.
- B. Bạch Mã.
- C. Trường Sơn Nam.
- D. Tam Điệp.

Câu 2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam là:

- A. Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, TP. Huế.
- B. Nghệ An, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Quảng Trị, TP. Huế.
- C. Quảng Trị, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, TP. Huế.
- D. Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Trị, Hà Tĩnh, TP. Huế.

Câu 3. Bắc Trung Bộ **không** giáp với vùng nào sau đây?

- A. Nam Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với Bắc Trung Bộ?

- A. Tất cả các tỉnh trong vùng đều giáp biển.
- B. Vùng có vùng biển rộng lớn ở phía đông.
- C. Phía tây của vùng có địa hình đồi núi thấp.
- D. Vùng có các đồng bằng rộng lớn ven biển.

Câu 5. Hoạt động kinh tế chủ yếu ở khu vực đồi núi phía tây vùng Bắc Trung Bộ là gì?

- A. Nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc.

- B. Sản xuất công nghiệp, phát triển thương mại, dịch vụ du lịch.
- C. Nuôi trồng thủy hải sản, sản xuất lương thực và trồng lúa nước.
- D. Trồng cây công nghiệp hàng năm, đánh bắt thủy sản, gia cầm.

Câu 6. Giải pháp để Bắc Trung Bộ thích ứng với biến đổi khí hậu là gì?

- A. Trồng giống lúa ngắn ngày và chịu hạn.
- B. Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.
- C. Hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch.
- D. Áp dụng các công nghệ sản xuất xanh.

Câu 7. Di sản văn hóa thế giới ở Bắc Trung Bộ được UNESCO công nhận là:

- A. Di tích Mỹ Sơn.
- B. Phố cổ Hội An.
- C. Cố đô Huế.
- D. Phong Nha - Kẻ Bàng.

Câu 8. Địa hình Bắc Trung Bộ thuận lợi cho việc phát triển kinh tế như thế nào?

- A. Hình thành cơ cấu kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- B. Phát triển đa dạng các loại cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt.
- C. Thu hút vốn đầu tư, đặc biệt nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.
- D. Hình thành vùng chuyên canh cây lương thực có quy mô lớn.

Câu 9. Nhận định nào sau đây **đúng** về lãnh thổ vùng Nam Trung Bộ?

- A. Vùng có diện tích tự nhiên lớn nhất cả nước.
- B. Vùng có diện tích tự nhiên nhỏ nhất cả nước.
- C. Lãnh thổ hẹp ngang kéo dài.
- D. Là vùng duy nhất không có vùng biển ở nước ta.

Câu 10. Đặc khu Hoàng Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?

- A. Khánh Hòa.
- B. Đà Nẵng.
- C. Quảng Ngãi.
- D. Lâm Đồng.

Câu 11. Đặc khu Trường Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?

- A. Khánh Hòa.
- B. Đà Nẵng.
- C. Quảng Ngãi.
- D. Lâm Đồng.

Câu 12. Vùng Nam Trung Bộ **không** tiếp giáp với vùng nào sau đây?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- D. Cam-pu-chia.

Câu 13. Vùng Nam Trung Bộ có bao nhiêu tỉnh (thành phố)?

- A. 1 thành phố và 5 tỉnh.
- B. 1 thành phố và 6 tỉnh.
- C. 1 thành phố và 4 tỉnh.
- D. 6 tỉnh.

Câu 14. Tỉnh (thành phố) nào dưới đây **không** thuộc vùng Nam Trung Bộ?

- A. Lâm Đồng.
- B. Gia Lai.
- C. Khánh Hòa.
- D. Đồng Nai.

Câu 15. Điều **không** phải là đặc điểm về hoạt động khai thác và nuôi trồng hải sản?

- A. Hình thành các cảng biển liên vùng.
- B. Sản lượng ngày càng tăng.
- C. Phát triển nghề cá xa bờ, các trung tâm nghề cá và dịch vụ hậu cần.
- D. Áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất như công nghệ sản xuất giống, công nghệ nuôi tiên tiến.

Câu 16. Vào mùa hạ gió phơn Tây Nam thổi mạnh ở vùng Bắc Trung Bộ là do nguyên nhân nào dưới đây?

- A. Ảnh hưởng của Biển Đông.
- B. Ảnh hưởng của gió mùa.
- C. Bức chắn địa hình.
- D. Ảnh hưởng của gió mùa và bức chắn địa hình.

Câu 17. Hạn chế lớn nhất về tự nhiên trong phát triển nông nghiệp của Bắc Trung Bộ là gì?

- A. Bão, lũ lụt, hạn hán.
- B. Gió Lào khô nóng, bão cát.

C. Xâm nhập mặn, ngập úng.

D. Sóng lừng, sạt lở bờ biển.

Câu 18. Thế mạnh tự nhiên tạo cho đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là gì?

A. Đất phù sa màu mỡ.

B. Nguồn nước mặt phong phú.

C. Có mùa đông lạnh.

D. Địa hình bằng phẳng.

Câu 19. Tài nguyên khoáng sản có giá trị đáng kể ở đồng bằng sông Hồng là gì?

A. Than đá, bô xít, dầu mỏ.

B. Đá vôi, sét cao lanh, than nâu.

C. Than nâu, đá vôi, apatit, chì – kẽm.

D. Sét cao lanh, đá vôi, thiếc.

Câu 20 Nhận định nào sau đây không đúng với Đồng bằng Sông Hồng?

A. Mật độ dân số cao nhất

B. Năng suất lúa cao nhất

C. Đồng bằng có diện tích lớn nhất

D. Dân số đông nhất

Bài 2. Câu trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1. Đọc bảng số liệu sau và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý a,b,c,d.

“Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của Bắc Trung Bộ giai đoạn 2010-2021”

Năm	2010	2015	2021
Đá khai thác (triệu m ³)	18,0	27,1	27,9
Đường (nghìn tấn)	239,4	297,2	200,3
Xi măng (triệu tấn)	12,4	13,4	31,8
Điện sản xuất (tỉ KWh)	1,1	7,0	22,5

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, 2022.

a) Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của Bắc Trung Bộ tăng liên tục trong giai đoạn 2010-2021.

b) Biểu đồ đường tốc độ là biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng của một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu ở Bắc Trung Bộ.

c) Đường là sản phẩm công nghiệp của vùng có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.

d) Các sản phẩm công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ có tốc độ tăng trưởng hàng đầu cả nước

Câu 2. Đọc bảng số liệu sau và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý a,b,c,d.

“Một số chỉ tiêu về sản xuất lương thực, thực phẩm của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước năm 2010 và năm 2021”

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2021	
	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước
Lúa (triệu tấn)	6,8	40	6,0	43,9
Lợn (triệu con)	7,3	27,4	4,8	23,2
Gia cầm (triệu con)	76,4	301,9	128,5	524,1
Sản lượng thủy sản (triệu tấn)	0,6	5,2	1,2	8,8

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, 2022.

a) Các chỉ tiêu về sản xuất lương thực, thực phẩm của vùng Đồng bằng sông Hồng đều tăng trong giai đoạn 2010-2021.

b) Sản lượng lúa của Đồng bằng sông Hồng chiếm 13,7 % trong tổng số sản lượng lúa của cả nước năm 2021.

c) Sản lượng thủy sản có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2010 - 2021.

d) Tỷ trọng đàn lợn của đồng bằng sông Hồng có xu hướng tăng trong giai đoạn 2010 - 2021.

Chúc các con ôn tập và làm bài kiểm tra đạt kết quả cao!